

Số: 237/QĐ-ĐHHV

Phú Thọ, ngày 20 tháng 2 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định đánh giá Chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên
trường Đại học Hùng Vương**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Căn cứ Điều lệ trường Đại học ban hành theo quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-ĐHHV ngày 4 tháng 1 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hùng Vương;

Căn cứ Quyết định số 1381/QĐ-ĐHHV ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương về việc quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học đối với sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 3 đến bậc 5 theo Khung ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1481/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 2 theo Khung ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (dành cho người lớn);

Xét đề nghị của Trưởng khoa Ngoại ngữ và Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá Chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên trường Đại học Hùng Vương.

Điều 2. Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên các khóa chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các PHT;
- Các khoa, phòng;
- Trang website của trường;
- Lưu: VT, TT ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Cao Văn

QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

của sinh viên trường Đại học Hùng Vương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 237/QĐ-ĐHHV ngày 20 tháng 2 năm 2017

của Hiệu trưởng trường Đại học Hùng Vương)

1. Cấu trúc đề thi và Quy định về quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực tiếng Anh

Bậc năng lực	Cấu trúc đề thi Cách tính điểm thi và mô tả năng lực ứng với điểm thi	Ghi chú
2	Theo Quyết định số 1481/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 2 theo Khung ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (dành cho người lớn)	
3	Theo Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 3 đến bậc 5 theo Khung ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam	
4		
5		

2. Cấu trúc đề thi và Quy định về quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực tiếng Trung Quốc (theo Bảng quy đổi các cấp của HSK mới với “tiêu chuẩn năng lực Hán ngữ quốc tế” theo khung tham chiếu châu Âu)

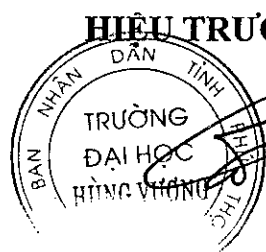
Bậc năng lực	Cấu trúc đề thi	Điểm trung bình	Mô tả tổng quát
2	Đề thi gồm 4 phần: Nghe hiểu, Đọc hiểu, Viết, Nói. 1. Nghe hiểu: + Thời gian: 30 phút + Mục đích: Kiểm tra các kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó của bậc 4: Nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu giải thích. + Số câu hỏi/ nhiệm vụ bài thi: Gồm 3 phần với tổng số 45 câu. Trong đó, có 10 câu phán đoán đúng sai, 35 câu chọn đáp án đúng. + Dạng câu hỏi, nhiệm vụ bài thi: Thí sinh nghe các các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, sau đó trả lời câu hỏi đa lựa chọn và câu hỏi đúng sai đã in sẵn trong đề thi. ----- 2. Đọc hiểu: + Thời gian: 40 phút + Mục đích: Kiểm tra các kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó bậc 4: Hiểu từ vựng; đoán từ vựng trong ngữ cảnh, đọc hiểu thông tin chi tiết,	Tổng 4 kĩ năng đạt từ 240 điểm trở lên (240/400)	Có thể nắm bắt tốt tiếng Trung Quốc cơ bản, có thể giao tiếp đơn giản và có thể trao đổi trực tiếp các thông tin về những vấn đề quen thuộc hàng ngày.
3			Có thể giao tiếp trực tiếp bằng tiếng Trung Quốc ở mức cơ bản trong cuộc sống hàng ngày, trong học tập và nghề nghiệp của mình. Có thể giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc khi đi du lịch ở Trung Quốc.
4			Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, những trao đổi về các lĩnh vực chuyên ngành. Có thể giao tiếp trôi chảy, tự nhiên lưu

a

	đọc hiểu ý chính, định vị thông tin. + Số câu hỏi/ nhiệm vụ bài thi: Gồm 3 phần với tổng số 40 câu. Trong đó: có 10 câu chọn từ điền vào chỗ trống, 10 câu sắp xếp câu thành đoạn, 20 câu chọn đáp án đúng. + Dạng câu hỏi, nhiệm vụ bài thi: Thí sinh đọc các dạng văn bản về các vấn đề khác nhau, Thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng trong số các lựa chọn cho trước hoặc sắp xếp câu thành đoạn.		loát với người bản ngữ mà không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về các chủ đề khác nhau và có thể để miêu tả những sự vật hiện tượng quan sát được.
5	3. Viết: + Thời gian: 25 phút + Mục đích: Kiểm tra các kỹ năng viết, từ sắp xếp từ thành câu đến dùng từ cho sẵn để đặt câu. + Số câu hỏi/ nhiệm vụ bài thi: Gồm 2 phần với tổng số 20 câu. Trong đó: có 15 câu sắp xếp từ thành câu, 5 câu dùng từ đặt câu. + Dạng câu hỏi, nhiệm vụ bài thi: Phần 1: Sắp xếp từ thành câu Phần 2: Dùng từ đặt câu 4. Nói: + Thời gian: 7 - 10 phút + Mục đích: Kiểm tra các kỹ năng nói khác nhau. Từ đặt câu đến trình bày theo chủ đề cho sẵn. + Số câu hỏi/ nhiệm vụ bài thi: Gồm 2 phần + Dạng câu hỏi, nhiệm vụ bài thi: Phần 1: Đặt câu với từ cho sẵn tương ứng với nội dung bức tranh Phần 2: Trình bày theo chủ đề cho sẵn		Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì mà không thể hiện rõ rệt rằng phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được văn bản rõ ràng, câu văn chặt chẽ logic, chi tiết các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng có kiểm soát các kiểu tổ chức văn bản, sử dụng tốt các liên từ và các phương diện liên kết.

Đối với các ngoại ngữ và chứng chỉ do các trung tâm ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tổ chức đào tạo: Yêu cầu sinh viên nộp chứng chỉ, Hội đồng Nhà trường sẽ xem xét và Quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

Đối với các chứng chỉ tiếng Anh do các trung tâm Ngoại ngữ Quốc tế cấp được quy đổi theo Phụ lục của Quy định này.



PGS.TS Cao Văn



Bảng quy đổi chuẩn trình độ ngoại ngữ tiếng Anh của trường Đại học Hùng Vương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 331/QĐ-ĐHIV ngày 20 tháng 2 năm 2017

của Hiệu trưởng trường Đại học Hùng Vương)

CẤP ĐỘ (CEFR)	IELTS	TOEIC*	TOEFL ITP	TOEFL IBT	Cambridge tests	Khung NLNN Việt Nam
C2	7.5+	945+	630+	100+	45 – 59 CPE 80 – 100 CAE	
C1	6.5	850	550	90	60 – 79 CAE 80 – 100 FCE	5 (8.5-10)
B2	5.5	600	500	61	60 – 79 FCE 80 – 100 PET	4 (6.0-8.0)
B1	4.5	450	450	45	45 – 59 FCE 65 – 79 PET 90 – 100 KET	3 (4.0-5.5)
A2	3.0	400	337	40	45 – 64 PET 70 – 89 KET	2 (6.5-10)
A1	< 3.0	< 400	< 337	< 31	45 – 69 KET	
Pass	Top Score 9	Top Score 990	Top Score 677	Top Score 120 IBT	Pass	Pass

*: Chỉ áp dụng cho sinh viên không chuyên.

